

Số: ~~AK/4/25~~

Hải Phòng, ngày 01 tháng 11 năm 2025

V/v Đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng
trong Công bố giá VLXD hàng tháng của
Sở Xây dựng Hải Phòng.

Kính gửi: Sở Xây dựng Hải Phòng

Thực hiện yêu cầu của Sở Xây dựng Hải Phòng tại công văn số 5230/SXD-KTVL ngày 30/07/2025.

Công ty TNHH Akzo Nobel Việt Nam đề nghị Sở Xây dựng Hải Phòng xem xét **đăng ký** thông tin công bố giá sản phẩm hàng hoá, vật liệu xây dựng do đơn vị hiện đang sản xuất, kinh doanh vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng định kỳ của Sở Xây dựng, nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin về đơn vị:

- Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM
- Mã số doanh nghiệp : 3700687873
- Đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2005
- Đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 25 tháng 06 năm 2024
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Sản xuất gia công sản xuất tất cả các loại sơn, chất phủ (bao gồm các loại sơn phủ gỗ, mực và sơn cho vật liệu đóng gói, sơn nền và các chất pha màu); pha chế, cung cấp các loại sơn đặc biệt.
 - + Sản xuất gia công sản xuất keo dán, nhựa nhũ tương, nhựa polyme, những vật liệu khác và hóa chất liên quan đến sản phẩm trên.
- Nhà sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố giá: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Người đại diện lãnh đạo Công ty: Nguyễn Phi Anh Đào - Giám Đốc Tiếp Thị
- Số điện thoại: 0908455361.
- Người chịu trách nhiệm báo giá: Trần Thị Hồng Lê - Số điện thoại: 0983244859
- Email: thihongle.tran@akzonobel.com

2. Thông tin về sản phẩm hàng hoá, vật liệu xây dựng đề nghị công bố:

- Bảng giá sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng của đơn vị kèm theo công văn này áp dụng từ ngày 01/11/2025 đến khi có Bảng niêm yết giá mới.



- Các tài liệu giới thiệu mẫu mã, quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế mẫu của sản phẩm áp dụng để sản xuất.

- Các hồ sơ khác theo qui định của pháp luật (nếu có): *Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy, hợp chuẩn; Quyết định kèm theo giấy chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn của sản phẩm, hàng hoá theo qui định ...*

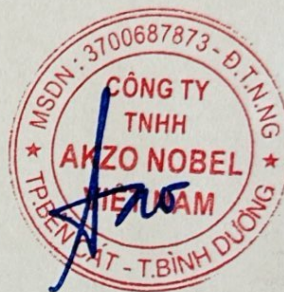
Công ty TNHH Akzo Nobel Việt Nam cam kết về các sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định pháp luật về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh.

Công ty TNHH Akzo Nobel Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết.

Nơi nhận: Sở Xây Dựng Hải Phòng

- Như trên;
- Lưu: ...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Phi Anh Đào
Giám Đốc Tiếp Thị

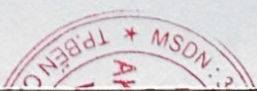
CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM

BẢNG BẢNG KÝ CÔNG BỐ GIÁ SẢN PHẨM HÀNG HÓA, VLXD

(Kèm công văn số 4114/CS, ngày 01/11/2023, tháng 11 năm 2023, của Công ty Akzo Nobel Việt Nam) Áp dụng từ ngày 01/11/2023 đến khi có hàng báo giá mới.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

STT	Danh mục sản phẩm hàng hóa VLXD (quy cách, xuất xứ, nhà sản xuất)	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn giá (đồng) Giá chưa có thuế;	Đơn giá (đồng) Giá chưa có thuế; đã gồm chi phí vận chuyển	Đơn giá vận chuyển (đồng/km) – Trường hợp tách riêng chi phí vận chuyển
A. SƠN DƯ' AN						
1	DULUX PROFESSIONAL. SƠN LÓT NỘI THẤT A500	Lit	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCVN 8652.2020 TCCS 13/ANP	66.444	66.444	
2	SƠN NỘI THẤT DULUX PROFESSIONAL. DIAMOND CARE KHÁNG KHUẨN	Lit	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCVN 8652.2020 TCCS 15/ANP	241.944	241.944	
3	DULUX PROFESSIONAL. DIAMOND A1000	Lit	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCVN 8652.2020 TCCS 34/ANP	234.500	234.500	
4	DULUX PROFESSIONAL. SƠN NỘI THẤT KHÁNG KHUẨN	Lit	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCVN 8652.2020 TCCS 61/ANP	98.944	98.944	
5	DULUX PROFESSIONAL. SƠN NỘI THẤT A390	Lit	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCVN 8652.2020 TCCS 101/ANP	48.278	48.278	
6	SƠN NỘI THẤT LAU CHUÌ VƯỢT TRỘI DULUX PROFESSIONAL. INTERIOR WASHABLE	Lit	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCVN 8652.2020 TCCS 14/ANP	111.556	111.556	
7	SƠN NỘI THẤT DỄ LAU CHUÌ DULUX PROFESSIONAL. INTERIOR CLEANABLE	Lit	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCVN 8652.2020 TCCS 36/ANP	86.111	86.111	
8	DULUX PROFESSIONAL. SƠN NGOẠI THẤT E700	Lit	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCVN 8652.2020 TCCS 19/ANP	156.889	156.889	



9	DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD E1000	Lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 20/ANP	286.556	286.556	
10	DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD FLEXX	Lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 21/ANP	322.000	322.000	
11	DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD EXPRESS	Lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 23/ANP	274.944	274.944	
12	DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD OCEANGUARD	Lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 29/ANP	312.833	312.833	
13	DULUX PROFESSIONAL SON NGOẠI THẤT E500	Lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 31/ANP	91.722	91.722	
14	DULUX PROFESSIONAL SON LỘT NỘI THẤT A500	Lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 12/ANP	91.944	91.944	
15	DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD SON LỘT NGOẠI THẤT CHỐNG KIỀM E1000	Lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 17/ANP	161.222	161.222	
16	DULUX PROFESSIONAL SON LỘT NGOẠI THẤT E700	Lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 32/ANP	132.389	132.389	
17	DULUX PROFESSIONAL SON LỘT NGOẠI THẤT E500	Lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 33/ANP	97.424	97.424	
18	DULUX PROFESSIONAL DIAMOND SON LỘT A1000	Lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 35/ANP	159.778	159.778	
19	DULUX PROFESSIONAL A300 SON LỘT NỘI THẤT	Lit	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCVN 8652:2020 TCCS 38/ANP	59.222	59.222	

20	DULUX PROFESSIONAL BỘT TRÉT TƯỜNG NGOẠI THẤT E700	KG	TCVN 7239:2014 TCCS 25/ANP	11.000	11.000	
21	DULUX PROFESSIONAL DIAMOND BỘT TRÉT TƯỜNG NỘI THẤT A1000	KG	TCVN 7239:2014 TCCS 26/ANP	12.150	12.150	
22	DULUX PROFESSIONAL BỘT TRÉT TƯỜNG NỘI THẤT A500	KG	TCVN 7239:2014 TCCS 27/ANP	8.800	8.800	
23	DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD BỘT TRÉT TƯỜNG E1000 PLUS	KG	TCVN 7239:2014 TCCS 102/ANP	12.550	12.550	
B. Sơn Bản Lê						
24	SƠN NỘI THẤT SIÊU CAO CẤP DULUX AMBIANCE SINI DIAMOND GLOW SIÊU BÓNG	Lít	QCVN 16:2023/BXD TCCS 11/ANP	245.480	245.480	
25	MAXILITE SMOOTH SƠN NƯỚC TRONG NHÀ	Lít	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCCS 70/ANP	33.944	33.944	
26	SƠN NƯỚC NỘI THẤT MAXILITE TOTAL TỪ DULUX BỀ MẶT MỎ	Lít	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCCS 71/ANP	64.940	64.940	
27	SƠN NỘI THẤT SIÊU CAO CẤP DULUX AMBIANCE SINI PEARL GLOW - BÓNG MỎ	Lít	QCVN 16:2023/BXD TCCS 85/ANP	235.775	235.775	
28	SƠN NỘI THẤT SIÊU CAO CẤP DULUX AMBIANCE SINI SUPERFLEX - SIÊU BÓNG	Lít	QCVN 16:2023/BXD TCCS 91/ANP	270.764	270.764	
29	SƠN NỘI THẤT SIÊU CAO CẤP DULUX AMBIANCE SINI SUPERFLEX - BÓNG MỎ	Lít	QCVN 16:2023/BXD TCCS 92/ANP	257.225	257.225	
30	SƠN NƯỚC NỘI THẤT MAXILITE TOTAL TỪ DULUX BỀ MẶT BÓNG MỎ	Lít	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCCS 98/ANP	72.828	72.828	
31	SƠN NỘI THẤT CAO CẤP DULUX EASYCLEAN CHỐNG BÀM BÀN - KHÁNG VIRUS - BỀ MẶT BÓNG	Lít	QCVN 16:2023/BXD TCCS 103/ANP	139.833	139.833	
32	SƠN NỘI THẤT CAO CẤP DULUX EASYCLEAN CHỐNG BÀM BÀN - KHÁNG VIRUS - BỀ MẶT MỎ	Lít	QCVN 16:2023/BXD TCCS 104/ANP	132.785	132.785	
33	SƠN NƯỚC NỘI THẤT DULUX INSPIRE SẮC MÀU BỀN ĐẸP - BỀ MẶT MỎ	Lít	QCVN 16:2023/BXD TCCS 108/ANP	93.912	93.912	
34	SƠN NƯỚC NỘI THẤT - DULUX INSPIRE SẮC MÀU BỀN ĐẸP - BỀ MẶT BÓNG	Lít	QCVN 16:2023/BXD TCCS 109/ANP	98.445	98.445	
35	SƠN NƯỚC NỘI THẤT MAXILITE CHE PHỦ HIỆU QUẢ TỪ DULUX	Lít	QCVN 08:2020/BCT QCVN 16:2023/BXD TCCS 116/ANP	44.744	44.744	

36	SƠN NƯỚC NỘI THẤT CAO CẤP DULUX EASYCLEAN LAU CHùi VƯỢT TRỘI - BỀ MẶT BÔNG	Lít	QCVN 08.2020/BCT	113.800	113.800	
37	SƠN NƯỚC NỘI THẤT CAO CẤP DULUX EASYCLEAN LAU CHùi VƯỢT TRỘI - BỀ MẶT MỖ	Lít	QCVN 08.2020/BCT	109.467	109.467	
38	DULUX WEATHERSHIELD POWERFLEXX BỀ MẶT BÔNG SƠN NƯỚC NGOÀI THẤT SIÊU CAO CẤP	Lít	QCVN 16.2023/BXD TCCS 01/ANP	384.000	384.000	
39	DULUX WEATHERSHIELD BỀ MẶT MỖ SƠN NƯỚC NGOÀI THẤT CAO CẤP	Lít	QCVN 16.2023/BXD TCCS 59/ANP	342.000	342.000	
40	DULUX WEATHERSHIELD BỀ MẶT BÔNG SƠN NƯỚC NGOÀI THẤT CAO CẤP	Lít	QCVN 16.2023/BXD TCCS 60/ANP	342.000	342.000	
41	SƠN NƯỚC NGOÀI THẤT MAXILITE TOUGH TỪ DULUX BỀ MẶT MỖ	Lít	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCCS 99/ANP	89.488	89.488	
42	DULUX INSPIRE SẮC MÀU BỀN ĐẸP BỀ MẶT MỖ SƠN NƯỚC NGOÀI THẤT	Lít	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCCS 81/ANP	172.000	172.000	
43	DULUX INSPIRE SẮC MÀU BỀN ĐẸP BỀ MẶT BÔNG SƠN NƯỚC NGOÀI THẤT	Lít	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCCS 82/ANP	180.000	180.000	
44	DULUX WEATHERSHIELD POWERFLEXX BỀ MẶT MỖ SƠN NƯỚC NGOÀI THẤT SIÊU CAO CẤP	Lít	QCVN 16.2023/BXD TCCS 83/ANP	384.000	384.000	
45	SƠN NƯỚC NGOÀI THẤT MAXILITE TOUGH TỪ DULUX BỀ MẶT BÔNG MỖ	Lít	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCCS 72/ANP	98.532	98.532	
46	DULUX WEATHERSHIELD COLOUR PROTECT BỀ MẶT MỖ SƠN NƯỚC NGOÀI THẤT CAO CẤP	Lít	QCVN 16.2023/BXD TCCS 105/ANP	274.000	274.000	
47	DULUX WEATHERSHIELD COLOUR PROTECT BỀ MẶT BÔNG SƠN NƯỚC NGOÀI THẤT CAO CẤP	Lít	QCVN 16.2023/BXD TCCS 106/ANP	274.000	274.000	
48	DULUX WEATHERSHIELD ROYAL SHINE	Lít	QCVN 08.2020/BCT	396.000	396.000	
49	MAXILITE SƠN LÓT NGOÀI TRỜI	Lít	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCCS 50/ANP	102.284	102.284	
50	DULUX WEATHERSHIELD CHỐNG KIỀM SƠN LÓT NGOÀI THẤT CAO CẤP	Lít	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCCS 50/ANP	166.000	166.000	
51	MAXILITE SƠN LÓT TRONG NHÀ	Lít	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCCS 65/ANP	63.693	63.693	

52	DULUX WEATHERSHIELD POWERSEALER SƠN LỚT NGOÀI THẤT SIÊU CAO CẤP	Lít	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCCS 90/ANP	183.000	183.000	
53	SƠN LỚT NỘI THẤT SIÊU CAO CẤP DULUX SUPERSEALER	Lít	QCVN 08.2020/BCT QCVN 16.2023/BXD TCCS 50/ANP	125.027	125.027	
54	SƠN LỚT NỘI THẤT SIÊU CAO CẤP DULUX AMBIANCE	Lít	QCVN 08.2020/BCT	116.000	116.000	
55	SƠN LỚT NỘI THẤT CAO CẤP DULUX EASYCLEAN	Lít	QCVN 08.2020/BCT	104.000	104.000	
56	SƠN DẦU CHO GỖ VÀ KIM LOẠI MAXILITE MAXILITE ENAMEL (A360 MÀU THƯỜNG)	Lít	QCVN 08.2020/BCT TCVN 5730 -2020 TCCS 74/ANP	106.380	106.380	
57	SƠN DẦU CHO GỖ VÀ KIM LOẠI MAXILITE MAXILITE ENAMEL (A360 MÀU ĐẶC BIỆT)	Lít	QCVN 08.2020/BCT TCVN 5730 -2020 TCCS 74/ANP	140.880	140.880	
58	SƠN DẦU CHO GỖ VÀ KIM LOẠI MAXILITE MAXILITE ENAMEL (A360 MÀU TRẮNG)	Lít	QCVN 08.2020/BCT TCVN 5730 -2020 TCCS 74/ANP	111.840	111.840	
59	BỘT TRÉT TƯỜNG CAO CẤP TRONG NHÀ VÀ NGOÀI TRỜI DULUX	KG	TCVN 7239.2014 TCCS 57/ANP	12.000	12.000	
60	BỘT TRÉT TƯỜNG CAO CẤP TRONG NHÀ DULUX	KG	TCVN 7239.2014 TCCS 96/ANP	9.200	9.200	
61	BỘT TRÉT MAXILITE TỪ DULUX NỘI VÀ NGOÀI THẤT	KG	TCVN 7239.2014 TCCS 115/ANP	7.700	7.700	

Ghi chú:

- Lập biên bản này kèm vị giới Công bố giá lần đầu và định kỳ.
- Cập nhật chuẩn kỹ thuật: Ghi số hiệu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật (theo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy, hợp chuẩn của xã/phẩm) để làm cơ sở lựa chọn áp dụng, tham khảo.
- Đơn vị ghi chú tất cả các nội dung cần lưu ý đến giá bán như: Giá bán buôn, giá bán lẻ (nếu có), bao gồm hoặc không bao gồm giá vận chuyển, các lý vận chuyển, địa điểm giao hàng, số lượng tối thiểu để được vận chuyển.
- Các chính sách ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu ... đối với các đối tượng khách hàng (nếu có).
- Nếu Bảng giá có nhiều trang phải đóng dấu giáp lai.



Nguyễn Phi Anh Đào